

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh là thư ký Tòa án nhân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Tấn Đ, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Số 02, tổ 01, ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Mỹ C, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Anh Lê Tấn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C tổ chức lễ cưới vào năm 2013, đến ngày 23 tháng 5 năm 2013 anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Lê Tấn Đ, Chị Đoàn Mỹ C chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế, chị Cứng xử với cha mẹ ruột của anh Đ không tốt. Từ đó dẫn đến anh Đ và chị C thường xuyên cãi vã, anh Đ, chị C sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Nay anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Đoàn Mỹ C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống Anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C có một người con chung tên Lê Đoàn Huyền Nhi (nữ, sinh ngày 30-8-2013) hiện nay cháu Nhi đang sống cùng với anh Lê Tấn Đ. Sau khi ly hôn anh Lê Tấn Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Đoàn Huyền Nhi (nữ, sinh ngày 30-8-2013) cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu Chị Đoàn Mỹ C cấp dưỡng nuôi cháu Nhi.

Về tài sản chung, nợ chung anh Lê Tấn Đ tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Tờ tường trình lập ngày 20 tháng 6 năm 2022 bị đơn Chị Đoàn Mỹ C trình bày:

Chị Đoàn Mỹ C thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tấn Đ về thời gian chung sống vào năm 2013, đến ngày 23 tháng 5 năm 2013 anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cũng như thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị C và anh Đạt. Nay chị C thống nhất nội dung đơn kiện của anh Đạt, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C và anh Đ được ly hôn.

Về con chung: Chị C tự khai trong thời gian chung sống với anh Đ có một người con chung tên Lê Đoàn Huyền N (nữ, sinh ngày 30-8-2013). Chị C đồng ý giao cháu Nhi cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi và chị C không cấp dưỡng nuôi cháu Nhi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C thống nhất lời trình bày của anh Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Lê Đoàn Huyền N lập ngày 01 tháng 6 năm 2022 cháu N trình bày như sau: Hiện nay cháu N đang sống cùng với anh Lê Tấn Đ và ông bà nội, hằng ngày anh Đ là người đưa đón cháu đi học. Còn chị C đi làm xa cháu Nhi thường ít được gặp chị C. Nếu anh Đ, chị C không còn sống chung với nhau thì cháu N có nguyện vọng được sống cùng với anh Lê Tấn Đ, vì anh Đ quan tâm, chăm sóc cháu và hiện nay cháu N học hành ổn định, thích nghi với môi trường sống hiện tại. Đồng thời cháu N không yêu cầu gì đối với Chị Đoàn Mỹ C.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ

pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Tấn Đ, về việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị C và anh Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Đoàn Huyền N (nữ, sinh ngày 30-8-2013) cho đến khi cháu N đến đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Còn về tài sản chung, nợ chung anh Đ, chị C tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tấn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn Chị Đoàn Mỹ C vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20-6-2022). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Anh Lê Tấn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn Anh Lê Tấn Đ và bị đơn Chị Đoàn Mỹ C, có nơi cư trú cuối cùng tại Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó việc anh Đ, chị C tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 5 năm 2013 là hoàn toàn đúng theo đúng quy định pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo anh Đ, chị C trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Anh Đ, chị C đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến

nay, khi xảy ra mâu thuẫn anh Đ đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như muốn cho cháu Nhi có được một gia đình có đủ cả cha lẫn mẹ nhưng không thành và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay Anh Lê Tấn Đ vẫn cương quyết xin ly hôn với Chị Đoàn Mỹ C. Đồng thời tại Tờ tường trình lập ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chị Đoàn Mỹ C, chị C trình bày thống nhất nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Đạt, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị C và Đạt được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa anh Đạt, chị C đã đến mức trầm trọng, hiện nay anh Đạt, chị C không còn sống chung với nhau như vợ chồng, anh chị không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh Lê Tấn Đ được ly hôn với Chị Đoàn Mỹ C.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của Anh Lê Tấn Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Đoàn Huyền Nhi (nữ, sinh ngày 30-8-2013) đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Nhận thấy, từ khi anh Đ, chị C sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay thì cháu Nhi đều do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với Anh Lê Tấn Đ, cũng như tại Tờ tường trình lập ngày 20 tháng 6 năm 2022 chị C đồng ý giao cháu Nhi cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 (mười tám) tuổi.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu Lê Đoàn Huyền N nên việc giao cháu Nhi cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Đoàn Huyền Nhi cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi. Chị Đoàn Mỹ C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Đáng lẽ ra, chị C là người không trực tiếp nuôi các con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ trình bày, hiện tại anh Đ có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng, từ khi anh Đ, chị C sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay thì anh Đ luôn chăm sóc tốt về mọi mặt cho cháu Nhi và anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Anh Lê Tấn Đ và Chị Đoàn Mỹ C tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Lê Tấn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tấn Đ được ly hôn với Chị Đoàn Mỹ C.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Lê Đoàn Huyền Nhi (nữ, sinh ngày 30-8-2013) cho Anh Lê Tấn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Đoàn Huyền Nhi (nữ, sinh ngày 30-8-2013) đủ 18 (mười tám) tuổi.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đoàn Mỹ C không cấp dưỡng nuôi cháu Lê Đoàn Huyền Nhi (nữ, sinh ngày 30-8-2013).

2.3 Sau khi ly hôn, Chị Đoàn Mỹ C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Lê Đoàn Huyền N (nữ, sinh ngày 30-8-2013), Anh Lê Tấn Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Đoàn Mỹ C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Tấn Đ tự khai không có nên Hội đồng xét xử

không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Lê Tấn Đ tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Anh Lê Tấn Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003680, ngày 09 tháng 5 năm 2022, Anh Lê Tấn Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- UBND xã Kiên An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

